

Q, ngày 20 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

*Căn cứ vào Điều 212, điều 213, điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 75/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021.*

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn: Ngân hàng TM TNHH MTV D (GPBank);*

*Địa chỉ: Số 109 T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Huy T**, chức vụ: Tổng Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà **Tống Thị L**, Giám đốc PGD N. (Theo Giấy ủy quyền số 09/2017/UQ-TGD ngày 16/02/2017 của Tổng Giám Đốc Ngân hàng D; Người được uỷ quyền lại: Ông **Vũ Danh T**, chức danh: Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng D (Theo Giấy ủy quyền số 37/2021/UQ-GD ngày 18 tháng 10 năm 2021 của bà **Tống Thị L**).*

*Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Đình B**, sinh năm 1964;

2. Bà **Hoàng Thị M**, sinh năm 1965.

Đều có HKTT và nơi ở: Thôn D, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1958;

2. Anh **Hoàng Mạnh C**, sinh năm 2001.

Đều có HKTT và nơi ở: Thôn D, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

## **II/ Sự thỏa thuận cụ thể của các đương sự như sau:**

**1/- Ngân hàng TM TNHH MTV D và ông Nguyễn Đình B, bà Hoàng Thị M đều xác nhận đã ký 02 hợp đồng là:** Hợp đồng tín dụng số 0026/2015/NCT/HĐTD ngày 24/01/2015 và Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản cá nhân số 0030/2015/NCT/HĐTC 07/04/2015 giữa Ngân hàng TM TNHH MTV D và ông Nguyễn Đình B và bà Hoàng Thị M.

Tính đến ngày 18/10/2021, dư nợ của ông Nguyễn Đình B và bà Hoàng Thị M tại Ngân hàng D với tổng số tiền là: **782.280.529 đồng** (*Bảy trăm tám mươi hai triệu hai trăm tám mươi nghìn năm trăm hai mươi chín đồng*), cụ thể như sau:

**Hợp đồng thứ nhất là:** Hợp đồng tín dụng số 0026/2015/NCT/HĐTD ngày 24/01/2015 với dư nợ tính đến ngày 18/10/2021 là: **502.928.695 đồng** (*Năm trăm linh hai triệu chín trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc quá hạn: 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

+ Nợ lãi trong hạn: 2.138.828 đồng (*Hai triệu một trăm ba mươi tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng*).

+ Nợ lãi quá hạn: 250.789.867 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng*).

**Hợp đồng thứ hai là:** Hợp đồng hạn mức thấu chi tài khoản số 0030/2015/NCT/HĐTC ngày 07/04/2015, với dư nợ tính đến ngày 18/10/2021 là: **279.351.834 đồng** (*Hai trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, tám trăm ba mươi tư đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc quá hạn: 151.718.581 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu bảy trăm mười tám nghìn năm trăm tám mươi một đồng*).

+ Nợ lãi quá hạn: 127.633.253 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn hai trăm năm mươi ba đồng*).

**2/-Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:**

Ông Nguyễn Đình B và bà Hoàng Thị M thống nhất với Ngân hàng trả nợ toàn bộ số tiền trên trong thời hạn 12 tháng, chia làm 12 kỳ, bắt đầu tính từ ngày 30/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/12/2022, cụ thể như sau:

Kỳ 1: Chậm nhất vào ngày 30/01/2022, ông B và bà M trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Kỳ 2: Chậm nhất vào ngày 28/02/2022, ông B và bà M trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Kỳ 3: Chậm nhất vào ngày 30/03/2022, ông B và bà M trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Kỳ 4: Chậm nhất vào ngày 30/04/2022, ông B và bà M trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Kỳ 5: Chậm nhất vào ngày 30/05/2022, ông B và bà M trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Kỳ 6: Chậm nhất vào ngày 30/06/2022, ông B và bà M trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Kỳ 7: Chậm nhất vào ngày 30/07/2022, ông B và bà M trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Kỳ 8: Chậm nhất vào ngày 30/08/2022, ông B và bà M trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Kỳ 9: Chậm nhất vào ngày 30/09/2022, ông B và bà M trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Kỳ 10: Chậm nhất vào ngày 30/10/2022, ông B và bà M trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Kỳ 11: Chậm nhất vào ngày 30/11/2022, ông B và bà M trả cho Ngân hàng số tiền ít nhất là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Kỳ 12: Chậm nhất vào ngày 30/12/2022, ông B và bà M phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại.

Số tiền nộp hàng tháng được ưu tiên tính vào gốc. Sau khi thanh toán hết toàn bộ số gốc, ông B và bà M có đơn xin miễn, giảm lãi thì Ngân hàng sẽ xem xét miễn giảm lãi cho ông B và bà M theo quy định của Ngân hàng.

Hai bên thoả thuận kể từ khi Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Đình B và bà Hoàng Thị M vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào nêu trên (về thời gian và số tiền) thì Ngân hàng TM TNHH MTV D có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản Công chứng số: 000131/2014, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 15/01/2014 tại Văn phòng Công chứng H và phụ lục hợp đồng Công chứng ngày 07/04/2015.

Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của ông Nguyễn Đình B và bà Hoàng Thị M tại Ngân hàng TM TNHH MTV D là: *Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 91, số tờ bản đồ 15, diện tích 202.4 m<sup>2</sup> tại Thôn D, xã D, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số số AG 362296, số vào sổ cấp GCN: 777 do UBND huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 04/10/2006 cho hộ ông Nguyễn Đình B và bà Nguyễn Thị M. Ngày 04/9/2013 tại Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Q, thành phố Hà Nội đã đính chính từ hộ ông Nguyễn Đình B và bà Nguyễn Thị M thành ông Nguyễn Đình B và bà Hoàng Thị M.*

Ông Nguyễn Đình B và bà Hoàng Thị M cam đoan toàn bộ tài sản trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của ông B bà M, hiện gia đình ông B và bà M vẫn đang sử dụng và quản lý, không có tranh chấp.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Đình B và bà Hoàng Thị M đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Đình B và bà Hoàng Thị M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

**3/- Trong khoảng thời gian** ông Nguyễn Đình B và bà Hoàng Thị M chưa thanh toán hết cho Ngân hàng TM TNHH MTV D toàn bộ số nợ thì ông B và bà M cam kết giữ gìn tài sản bảo đảm nguyên trạng như hợp đồng thế chấp đã ký và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi khi Ngân hàng TM TNHH MTV D thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm.

**4/- Kể từ ngày 19/10/2021** ông Nguyễn Đình B và bà Hoàng Thị M còn phải chịu khoản lãi theo mức lãi suất đã ký tại Hợp đồng tín dụng số 0026/2015/NCT/HĐTD ngày 24/01/2015 và Hợp đồng hạn mức thấu chi tài

khoản số 0030/2015/NCT/HĐTC ngày 07/04/2015 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

**5/- Về án phí:** Ông Nguyễn Đình B và bà Hoàng Thị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là 17.645.000 đồng (*Mười bảy triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*). Do ông B, bà M có khó khăn về kinh tế nên giảm cho ông B, bà M 4.400.000 đồng. Ông B, bà M còn phải chịu **13.245.000 đồng** (*Mười ba triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Ngân hàng TM TNHH MTV D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng số tiền 17.645.000 đồng (*Mười bảy triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002043 ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

**6/- Về chi phí tố tụng:** Ngân hàng TM TNHH MTV D chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hữu Thanh**